

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vi Văn H - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1 Trợ giúp viên, trợ giúp pháp lý chi nhánh S thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị G và anh Vi Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Về hôn nhân:** Chị Bùi Thị G và anh Vi Văn H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị G, anh Vi Văn H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất, chị G và anh H có 01 con chung là Vi Thị T, sinh ngày 27/8/2004.

Hai bên thỏa thuận: cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị G, anh Vi Văn H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị G, anh Vi Văn H và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất:

Anh H phải chịu 75.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm. Tuy nhiên, anh H là người dân tộc thiểu số (dân tộc Thái) ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí cho anh H.

Chị G phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị G phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0003936 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị G được nhận lại 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- UBND xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy